



HALONG CANNED FOOD JOINT STOCK CORPORATION
71 Le Lai, May chai Ward, Ngo Quyen Dist., Hai Phong City
T (84 225) 3836 692 | F (84 225)3836 155 | www.canfoco.com.vn

Hải Phòng, ngày 19 tháng 07 năm 2022

Haiphong, July 19th, 2022

Kính gửi: ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

Respectfully: STATE SECURITIES COMMISSION
HANOI STOCK EXCHANGE

Công ty CP Đồ hộp Hạ Long xin được giải trình lý do chênh lệch lợi nhuận Quý 2 năm 2022 so với Quý 2 năm 2021 trên Báo cáo Kết quả kinh doanh của Công ty mẹ và hợp nhất như sau:

Ha Long Canned Food Joint Stock Corporation would like to explain the reason for profit difference between Quarter 2.2022 vs Quarter 2.2021 from Separate and Consolidated statements of profit and loss as follows:

1. Báo cáo tài chính Công ty mẹ/ Separate Financial Statements (Parent Company).

ĐVT/ Unit: billion VND

Chỉ tiêu	Item	Quý II.2022/ Quarter II.2022	Quý II.2021/ Quarter II.2021	CHÊNH LỆCH/ DIFFERENCE	
				Tuyệt đối/ Absolute	Tương đối/ Percentage
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	<i>Revenue from sale of goods and rendering of services</i>	128,537	123,600	4,937	4%
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	<i>Deductions</i>	4,029	3,990	0,039	1%
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	<i>Net revenue from sale of goods and rendering of services</i>	124,509	119,611	4,898	4%
4. Giá vốn hàng bán	<i>Costs of goods sold, and services rendered</i>	90,615	92,534	(1,920)	-2%
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	<i>Gross profit from sale of goods and rendering of services</i>	33,894	27,076	6,817	25%
6. Doanh thu hoạt động tài chính	<i>Income from financial activities</i>	0,001	0,001	(0,000)	-15%
7. Chi phí tài chính	<i>Expenses from financial activities</i>	1,957	1,202	0,755	63%
- Trong đó: Chi phí lãi vay	<i>- In which: Interest expenses</i>	1,592	1,093	0,499	46%
8. Chi phí bán hàng	<i>Selling Expenses</i>	19,748	19,713	0,035	0%
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	<i>Administration Expenses</i>	5,459	5,009	0,450	9%
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	<i>Operating profit</i>	6,731	1,154	5,577	483%



Chỉ tiêu	Item	Quý II.2022/ Quarter II.2022	Quý II.2021/ Quarter II.2021	CHÊNH LỆCH/ DIFFERENCE	
				Tuyệt đối/ Absolute	Tương đối/ Percentage
11. Thu nhập khác	<i>Other income</i>	0,253	0,036	0,217	606%
12. Chi phí khác	<i>Other expenses</i>	0,003	0,068	(0,065)	-95%
13. Lợi nhuận khác	<i>Other profit</i>	0,250	(0,032)	0,282	871%
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	<i>Net profit before tax</i>	6,981	1,122	5,859	522%
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	<i>Current corporate income tax expense</i>	1,464	-	1,464	
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	<i>Deferred corporate income tax expense</i>	-	-		
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	<i>Net profit after tax</i>	5,516	1,122	4,395	392%

Lợi nhuận trước thuế công ty mẹ Quý II năm 2022 là 6,981 tỷ, tức là tăng 5,859 tỷ, tương ứng tăng 522% so với cùng kỳ năm 2021. Nguyên nhân chủ yếu là trong Quý II năm 2022 doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ tăng 4% do Công ty đã kinh doanh thêm sản phẩm mới qua đó tăng đối tượng khách hàng mục tiêu, trong khi giá vốn hàng bán giảm 2%, chi phí tài chính tăng 63%, chi phí bán hàng biến động nhẹ so với Quý II năm 2021 nên lợi nhuận là 6,981 tỷ trước thuế và 5,516 tỷ sau thuế.

Profit before tax of the Parent Company in Quarter II.2022 is 6.981 billion, increased by VND 5.859 billion, equivalent to 522% compared with that of the same period in 2021. The main cause for this is in Quarter II 2022, the net revenue from sales of goods and rendering of services increased by 4% due to trade new products thereby increasing target customers, while the costs of goods sold decreased by 2%, financial activities increased by 63%, selling expenses fluctuate slightly compared with same period 2021. Therefore, the business results in Quarter II.2022 arrived at a profit of VND 6.981 billion before and 5.516 billion after tax.

2. Báo cáo tài chính hợp nhất/Consolidated Financial Statement:

ĐVT/ Unit: billion VND

Chỉ tiêu	Item	Quý II.2022/ Quarter II.2022	Quý II.2021/ Quarter II.2021	CHÊNH LỆCH/ DIFFERENCE	
				Tuyệt đối/ Absolute	Tương đối/ Percentage
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	<i>Revenue from sale of goods and rendering of services</i>	212,507	218,103	(5,596)	-3%
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	<i>Deductions</i>	4,029	3,994	0,035	1%
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	<i>Net revenue from sale of goods and rendering of services</i>	208,478	214,109	(5,631)	-3%
4. Giá vốn hàng bán	<i>Costs of goods sold and services rendered</i>	175,442	175,358	0,084	0%
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	<i>Gross profit from sale of goods and rendering of services</i>	33,036	38,751	(5,715)	-15%



Chỉ tiêu	Item	Quý I.2022/ Quarter I.2022	Quý I.2021/ Quarter I.2021	CHÉNH LỆCH/ DIFFERENCE	
				Tuyệt đối/ Absolute	Tương đối/ Percentage
6. Doanh thu hoạt động tài chính	<i>Income from financial activities</i>	0,693	0,710	(0,018)	-2%
7. Chi phí tài chính	<i>Expenses from financial activities</i>	2,910	1,934	0,976	50%
- Trong đó: Chi phí lãi vay	- <i>In which: Interest expenses</i>	2,021	1,490	0,530	36%
8. Chi phí bán hàng	<i>Selling Expenses</i>	21,411	23,648	(2,238)	-9%
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	<i>Administration Expenses</i>	7,868	7,611	0,256	3%
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	<i>Operating profit</i>	1,540	6,267	(4,727)	-75%
11. Thu nhập khác	<i>Other income</i>	0,259	0,102	0,156	152%
12. Chi phí khác	<i>Other expenses</i>	0,027	0,107	(0,080)	-75%
13. Lợi nhuận khác	<i>Other profit</i>	0,232	(0,004)	0,236	-5721%
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	<i>Net profit before tax</i>	1,772	6,263	(4,491)	-72%
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	<i>Current corporate income tax expense</i>	1,534	0,560	0,975	174%
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	<i>Deferred corporate income tax expense</i>	-	-	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	<i>Net profit after tax</i>	0,237	5,703	(5,466)	-96%

Lợi nhuận trước thuế hợp nhất Quý II năm 2022 là 1,772 tỷ, giảm 4,491 tỷ, tương ứng giảm 72% so với cùng kỳ năm 2021. Nguyên nhân chủ yếu là do doanh thu thuần giảm 3% (doanh thu xuất khẩu) do tác động chung của cuộc chiến tranh Nga - Ukraina đến nền kinh tế thế giới khiến nguồn cung nguyên liệu bị gián đoạn, trong khi giá vốn hàng bán biến động nhẹ, chi phí tài chính tăng 50% và chi phí bán hàng giảm 9% nên kết quả kinh doanh của Quý II.2022 là 1,772 tỷ trước thuế và là 0,237 tỷ sau thuế.

The net profit before tax of consolidated report of Quarter II.2022 is 1.772 billion, decreased by 4.491 billion, equivalent to 72% compared with the same period in 2021. The explanation for this is due to net revenue from sale of goods and rendering of services decreased by 3% (export revenue) due to impact of the Russian - Ukraine war on the world economy causing disruption to supply of materials, while costs of goods sold fluctuate slightly, financial expenses increased by 50%, selling expenses decreased by 9% compared with same period 2021, so the business results in Quarter II.2022 is 1.772 billion before tax and is 0.237 billion after tax.

Công ty chúng tôi xin được giải trình với Quý Cơ quan.

Our Company would like to explain to your Agency



TỔNG GIÁM ĐỐC
Trương Sỹ Toàn

